

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày 17-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Bùi Thị Phương T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2004 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P và bà Đỗ Thị D; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-8-2022; có mặt.

- Bị hại:

+ **Chị Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 2004; nơi ĐKTT: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ **Anh Hoàng Xuân C**, sinh năm 2003; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Người làm chứng:

1. **Chị Lê Lương Huyền A**; vắng mặt;

2. Chị Hoàng Thị Thu H1; vắng mặt;

3. Chị Bùi Thị H2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 23-7-2022, Bùi Thị Phương T đến dự đám cưới của bạn là chị Phạm Thị Thanh H và chồng chị H là anh Hoàng Xuân C tại tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Khi đến nhà chồng chị H, T có cất túi xách của mình vào tủ quần áo trong phòng ngủ của vợ chồng chị H rồi ở lại chơi với chị H. Sau khi tổ chức đám cưới xong, chị H cho toàn bộ đồ trang sức bằng vàng được mọi người tặng, gồm: 03 vòng cổ kim loại bằng vàng, 01 vòng tay kim loại bằng vàng và 07 nhẫn đeo tay kim loại bằng vàng vào một hộp nhựa để trong một túi nilon và cất trong tủ quần áo tại phòng ngủ của vợ chồng chị H.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T vào phòng ngủ của vợ chồng chị H lấy túi xách để về nhà. Khi mở tủ, T thấy có một túi nilon bên trong có một hộp nhựa. T mở hộp nhựa ra thì thấy có nhiều đồ trang sức bằng kim loại màu vàng, T nghĩ đó là trang sức bằng vàng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, T đã lấy 01 vòng cổ kim loại màu vàng, 01 vòng tay kim loại màu vàng và 01 nhẫn đeo tay kim loại màu vàng rồi bỏ vào trong túi xách của T; số còn lại, T đóng nắp hộp và cất vào vị trí cũ trong tủ quần áo, sau đó T đi về nhà ở thôn 1, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

Đến 19 giờ cùng ngày, chị H, anh C phát hiện bị mất tài sản trên nên đã đến Công an phường Bàng La, quận Đồ Sơn trình báo. Khoảng 01 giờ 30 ngày 24-7-2022, sau khi thấy chị H gọi điện hỏi T về số vàng mà chị H bị mất thì T đã đến Công an phường Bàng La đầu thú và giao nộp toàn bộ số tài sản đã trộm cắp nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 03-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 01 vòng cổ bằng kim loại vàng có tổng trọng lượng là 26,20 gam, hàm lượng vàng là 98,34% có giá là 10.300.000 đồng; 01 vòng tay bằng kim loại vàng có tổng trọng lượng là 14,21 gam, hàm lượng vàng là 98,4% có giá là 10.300.000 đồng; 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại vàng có tổng trọng lượng là 3,75 gam, hàm lượng vàng là 98,83% có giá là 5.150.000 đồng; tổng giá trị tài sản là 25.750.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố bị cáo Bùi Thị Phương T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm

cấp tài sản, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị H và anh C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hoặc thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản bị cáo trộm cắp cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị Phương T đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố là đúng. Bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Phương T khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ ngày 23-7-2022, tại nhà anh Hoàng Xuân C, địa chỉ tại Tổ dân phố Bắc Hải, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bị cáo Bùi Thị Phương T đã lợi dụng sơ hở, lén lút, bí mật thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 vòng cổ, 01 vòng tay và 01 nhẫn đeo tay kim loại bằng vàng, trị giá 25.750.000 (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng của chị Phạm Thị Thanh H và anh Hoàng Xuân C. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú; bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Tài sản bị cáo chiếm đoạt giá trị là 25.750.000 (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng nên hình phạt của bị cáo phải trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cũng xét bị cáo tuổi còn rất trẻ, phạm tội có mức độ, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng để giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình. Do vậy có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoan hồng cho bị cáo, cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Phương T 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị Phương T cho Ủy ban nhân dân xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Bùi Thị Phương T thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Thị Phương T phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC10, PV06);
- UBND xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Yến

Đỗ Đình An

Bùi Duy Khoa